

Bản án số: **26/2024/HS-PT**
Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Ông Trương Ngọc Hồng

Ông Vũ Thế Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Cẩm Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2024/TLPT-HS ngày 02 tháng 08 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Tuấn T và Phùng Thái C do có kháng cáo của các bị cáo với Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2024/HS-ST ngày 28 tháng 06 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Lê Tuấn T, sinh ngày 01/01/1987 tại R – Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 102 NTT, tổ 8, khu phố NT, phường VT, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Lê Tuấn Kiệt, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T T1, sinh năm 1963; Có vợ Lương Thị KA (Đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2013. Tiền sự: Không

Tiền án: 01 tiền án.

- Bản án số 167/2019/HS-ST ngày 25/10/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành án xong, nhưng mới đóng án phí ngày 13/8/2024.

Nhân thân:

- Bản án số 92/2007/HS-ST ngày 31/7/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 05 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (Đã xóa án tích).

- Bản án số 157/2013/HS-ST ngày 29/7/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 04 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (Đã xóa án tích).

Bị cáo Lê Tuấn T bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Phùng Thái C (tên gọi khác: Ch),** sinh ngày 22/5/1989 tại RG - Kiên Giang; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 38/2 NHS, khu phố 3, phường VTV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông Phùng Tác P (đã chết) và bà Thái Kim K, sinh năm 1967; bị cáo có vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án.

- Bản án số 218/2022/HS-ST ngày 28/7/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Chưa đóng án phí).

Nhân thân:

- Ngày 09/12/2009, Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc 24 tháng theo Quyết định số 460/QĐ-UBND;

- Bản án số 186/2012/HS-ST ngày 13/11/2012 bị Toà án nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 4 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. (Đã xóa án tích).

Bị cáo Phùng Thái C bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/01/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 31/01/2024, Lê Tuấn T rủ Phùng Thái C đi uống cà phê, trong lúc uống cà phê thì C rủ T "đi lòng vòng chơi" T hiểu ý của C là đi tìm tài sản để trộm cắp. Sau đó, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 68T2-5769 chở T đi vòng quanh phường VT, mục đích tìm tài sản để trộm cắp, nhưng không phát hiện tài sản, C kêu T đi xuống HĐ tìm tài sản trộm cắp. Phùng Thái C điều khiển

xe mô tô chở T đến ấp VR, xã SK, huyện HD, tỉnh Kiên Giang. T phát hiện trước sân của nhà chị T3 có 02 (hai) xe đạp điện (xe đạp điện của cháu Dương Thị Diễm T2 và Thị Đ), nhà đóng cửa không có người trông giữ. C tiếp tục điều khiển xe chở T đến cầu VR, T kêu C quay xe lại chạy về hướng thành phố R. Khi chạy ngang nhà chị T3, T nói cho C biết đã phát hiện 02 (hai) xe đạp điện trong sân nhà chị T3. T kêu C canh đường, để T đột nhập trộm cắp xe đạp điện. C điều khiển xe chở T chạy đến khoảng đất trống cạnh bên nhà chị T3, C canh đường, T đi đến dùng tay mở chốt khoá cửa rào, đi vào trộm cắp 01 (một) xe đạp điện màu đỏ của cháu Dương Thị Diễm T2 (xe có gắn sẵn chìa khóa).

Lê Tuấn T lấy xe, điều khiển về hướng thành phố R để tìm người tiêu thụ, còn C điều khiển xe mô tô chạy theo phía sau, khi đến khu vực ấp MH, xã ML, huyện HD, tỉnh Kiên Giang thì xe hết điện, C vừa điều khiển xe mô tô, vừa dùng chân phải đẩy xe đạp điện (do T điều khiển) chạy về hướng thành phố R, lúc này chị T3 mở điện thoại để xem camera kiểm tra nhà, thì phát hiện mất xe, nên điện thoại báo T2 biết (nhưng T2 để điện thoại ở nhà), nên ông Lê Văn L (ông ngoại của T2) biết về xe đạp điện của T2 bị hai đối tượng trộm cắp.

Ông L đến Công an xã Sơn Kiên để trình báo, lực lượng Công an đã tổ chức truy tìm và bắt giữ Lê Tuấn T và Phùng Thái C cùng tang vật.

*** Về vật chứng của vụ án:**

- 01 (Một) xe đạp điện hiệu Bluera Bike, số loại Cool Top, màu Đỏ - Đen (đã qua sử dụng).

- 01 (Một) xe mô tô hiệu Jupiter, màu Xanh - Đen, biển kiểm soát 68T1-5769 (đã qua sử dụng).

Tại **Bản kết luận định giá tài sản** số 01 ngày 03/02/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện HD kết luận:

- 01 (Một) xe đạp điện hiệu Bluera Bike, số loại Cool Top tại thời điểm ngày 31/01/2024 có giá trị 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

*** Việc xử lý vật chứng:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 (Một) xe đạp điện hiệu Bluera Bike, số loại Cool Top, màu Đỏ - Đen cho chủ sở hữu hợp pháp.

Nhập kho vật chứng chờ xử lý 01 (Một) xe mô tô hiệu Jupiter, màu Xanh - Đen, biển kiểm soát 68T1-5769 (đã qua sử dụng).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường.

Tại **Bản án hình sự sơ thẩm số:** 43/2024/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HD, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Tuấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn T 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 31/01/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phùng Thái C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phùng Thái C 02 (hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 31/01/2024.

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2024 bị cáo Lê Tuấn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 11/07/2024 bị cáo Phùng Thái C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo Lê Tuấn T đề nghị xem xét lại tiền án của bản án số 92/2007/HS-ST, ngày 31/7/2007 của Tòa án thành phố R, bị cáo đã chấp hành xong, được xóa án tích, thể hiện trong Bản án 167/2019/HS-ST, ngày 25/10/2019 của Tòa án thành phố R nhưng Bản án sơ thẩm lần này lại tính tiền án ngược lại cho bị cáo bản án năm 2007.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Tuấn T và Phùng Thái C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Xét kháng cáo xin được xem xét lại tình tiết tái phạm nguy hiểm của bị cáo Lê Tuấn T, bị cáo có 01 tiền án nay phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý là thuộc trường hợp tái phạm làm tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS nên bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 173 BLHS, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên mức án 03 năm tù cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo xuống còn từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo Phùng Thái C, cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo T, mức án 02 năm tù là tương xứng, bị cáo kháng cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, không xem xét.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời nói sau cùng xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm: Bị cáo Lê Tuấn T và Phùng Thái C bị phát hiện có hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản là chiếc xe đạp điện của bị hại Dương Thị Diễm T2, qua định giá tài sản chiếm đoạt có giá trị 4.000.000 đồng. Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo cũng như quyết định của Bản án sơ thẩm, HĐXX thấy rằng: Tài sản các bị cáo trộm cắp qua định giá là 4.000.000đ nên đều phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Các bị cáo có tiền án chưa được xóa án tích, nay phạm tội mới ít nghiêm trọng do cố ý nên đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bản án sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo là phù hợp. Bị cáo Lê Tuấn T được chấp nhận xem xét đối với bản án số 92/2007/HS-ST, ngày 31/7/2007 của Tòa án thành phố R xét xử bị cáo đã được xóa án tích, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo chuyển khung hình phạt xét xử và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Phùng Thái C không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được chấp nhận kháng cáo theo qui định.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo Lê Tuấn T và giữ nguyên hình phạt của bị cáo Phùng Thái C là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn T được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Phùng Thái C không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Tuấn T; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phùng Thái C; Sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: khoản 1 §173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Lê Tuấn T 02** (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31 tháng 01 năm 2024.

Xử phạt bị cáo **Phùng Thái C 02** (hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31 tháng 01 năm 2024.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Tuấn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phùng Thái C phải nộp án phí hình sự phúc thẩm bằng 200.000 đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 43/2024/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (2)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền